TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐIỆN BIÊN** TỈNH ĐIỆN BIÊN	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 12/7/2019
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐIỆN BIÊN, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà **Vũ Thị Tuyến**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông **Quàng Văn Minh**

Bà **Phạm Thị Hồng Phượng**

- Thư ký phiên toà: Bà **Nguyễn Thu Hương** - Thư ký Toà án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên *tham gia phiên toà:* Bà **Phạm Thị Hoàn** - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 116/2019/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2019 về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 17/2019/QĐST - HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Và Thị M** - Sinh năm 1979; Địa chỉ: Bản N, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên (Có mặt).

2. Bị đơn: Anh **Vừ A Ch** - Sinh năm 1977; Địa chỉ: Bản N, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên (Vắng mặt).

3. Người phiên dịch cho chị Và Thị M: Chị **Ly Thị Tr** - Sinh năm: 1999; Địa chỉ: Bản N, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 21/3/2019 và trong quá trình giải quyết, xét xử nguyên đơn chị Và Thị M trình bày:

- *Về hôn nhân*: Chị M và anh Ch kết hôn với nhau do hai bên tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 23/7/2002 tại UBND xã N, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên. Trong quá trình chung sống với nhau tại Bản N, xã N, huyện Đ, chị M và anh Ch thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Ch nghiện ma túy. Gia đình hai bên đã hòa giải nhưng mâu thuẫn không giải quyết được mà ngày càng trầm trọng. Anh chị đã sống ly thân với nhau từ tháng 3/2017 cho đến nay không ai còn quan tâm đến ai nữa.Vì vậy chị M đề nghị Tòa án nhân dân huyện Điện Biên giải quyết cho chị được ly hôn với anh Ch vì tình cảm của chị M đối với anh Ch không còn, nếu cố níu kéo cũng không có hạnh phúc.

- *Về con chung:* Chị M và anh Ch có 03 con chung là cháu Vừ Thị H - sinh ngày 19/5/1999, Vừ A D - sinh ngày 24/3/2001 và Vừ Tuấn A - sinh ngày 28/02/2013. Hiện tại cháu H, cháu D đã thành niên và có khả năng lao động nên không đề nghị Tòa án giải quyết, chị M có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Tuấn A cho đến khi thành niên và có khả năng lao động vì anh Ch nghiện ma túy nên không có điều kiện để nuôi dưỡng, chăm sóc cháu. Thu nhập của chị M từ nghề làm ruộng và làm thuê được khoảng 3.000.000 đồng/tháng, chị M đảm bảo có đủ khả năng về thời gian cũng như về điều kiện kinh tế để nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Tuấn A.

- *Về tài sản riêng, tài sản chung, nợ phải trả, nợ lấy về, diện tích ruộng nương*: Không có.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án như sau:

* Về việc tuân theo pháp luật của người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng:

- Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử của thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Tại phiên tòa ngày hôm nay, Hội đồng xét xử, thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

+ Đối với nguyên đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70,71 Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Đối với bị đơn: Bị đơn không có mặt theo giấy triệu tập không thực hiện đúng các quy định về nghĩa vụ của bị đơn tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự, ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án.

* Về quan điểm giải quyết vụ án:

- Về hôn nhân: Căn cứ Điều 51, 53, 56 Luật hôn nhân gia đình đề nghị Tòa án chấp nhận nội dung đơn khởi kiện của chị M được ly hôn với anh Ch.

- Về con chung: Căn cứ vào các Điều 69, 70, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Vừ Tuấn A- sinh ngày 28/02/2013 cho chị M chăm sóc. Chị M không yêu cầu về cấp dưỡng nên không giải quyết.

- Về tài sản: Không có.

- Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVHQ 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, miễn án phí dân sự sơ thẩm cho chị Và Thị M.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra xem xét tại phiên tòa, kết quả hỏi tại phiên tòa và trên cơ sở xem xét đầy đủ ý kiến của nguyên đơn tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đây là vụ án Ly hôn giữa chị Và Thị M và anh Vừ A Ch thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên được quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án anh Vừ A Ch đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án liên quan đến việc giải quyết vụ án nhưng anh Ch vẫn không đến tham gia phiên tòa. Xét thấy, sự vắng mặt của anh Ch không ảnh hưởng đến việc xét xử nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Ch theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

**) Về hôn nhân*: Quan hệ hôn nhân giữa chị M và anh Ch là hợp pháp, trên cơ sở tự nguyện được pháp luật công nhận, chị M cho rằng cuộc sống chung của anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, nguyên nhân là do anh Ch nghiện ma túy (được chứng minh tại Biên bản xác minh ngày 24/4/2019 do Tòa án thu thập tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện Đ BL: 32). Trong đơn khởi kiện cũng như tại phiên tòa chị M khẳng định chị không còn tình cảm với anh Ch nữa nên anh chị đã sống ly thân với nhau từ tháng 3/2017 cho đến nay, không ai còn quan tâm đến ai nữa, vì vậy chị M tha thiết có nguyện vọng xin được ly hôn với anh Ch. Xét thấy, sau khi thụ lý vụ án anh Ch không trả lời thông báo thụ lý vụ án của Tòa án và cũng không đến tham gia phiên hòa giải để trình bày quan điểm của mình, điều đó đã thể hiện anh Ch chưa thực sự có thiện chí đoàn tụ. Vì vậy không có căn cứ để chứng minh rằng cuộc sống chung của chị M và anh Ch vẫn hòa thuận, hạnh phúc. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị M và anh Ch đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy cần xử cho chị M được ly hôn với anh Ch là phù hợp với quy định tại điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

**) Về con chung:* Chị M và anh Ch có ba con chung là Vừ A D - sinh ngày 24/3/2001, Vừ Thị H - sinh ngày 19/5/1999 và Vừ Tuấn A - sinh ngày 28/02/2013.

Tại đơn khởi kiện ngày 21/3/2019 chị M có nguyện vọng được nuôi dưỡng chăm sóc cháu Tuấn A và cháu D, vì tại thời điểm Tòa án thụ lý cháu D chưa đủ 18 tuổi. Tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay cháu D đã đủ 18 tuổi và có khả năng lao động nên chị M có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cháu Tuấn A cho đến khi thành niên vì anh Ch nghiện ma túy nên không có điều kiện để nuôi dưỡng, chăm sóc cháu. Thu nhập của chị M từ nghề làm ruộng và làm thuê được khoảng 3.000.000 đồng/tháng, chị M đảm bảo có đủ khả năng về thời gian cũng như về điều kiện kinh tế để nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Tuấn Anh. Còn cháu H và cháu D đã thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động nên chị M không đề nghị Tòa án giải quyết. Vì vậy để đảm bảo được quyền lợi về mọi mặt cho cháu Tuấn A, Tòa án cần giao cho chị M nuôi dưỡng, chăm sóc cháu và anh Ch không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho cháu Tuấn A là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân gia đình.

**) Về tài sản riêng, tài sản chung, nợ phải trả, nợ lấy về, diện tích ruộng nương*: Không có.

*) *Về án phí*: Chị Và Thị M là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí, căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, miễn án phí dân sự sơ thẩm cho chị Và Thị M.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, 69, 70, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự;

1. Về hôn nhân: Chị Và Thị M được ly hôn với anh Vừ A Ch.

2. Về con chung: Giao con chung là Vừ Tuấn A - sinh ngày 28/02/2013 cho chị Và Thị M được quyền trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ tuổi thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động. Chị M không yêu cầu anh Ch cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Đối với cháu Vừ A D - sinh ngày 24/3/2001 và Vừ Thị H - sinh ngày 19/5/1999 đã thành niên và có khả năng lao động nên các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản: Tài sản riêng, tài sản chung, nợ phải trả, nợ lấy về, diện tích ruộng nương: Không có.

4. Về án phí: Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định

về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án miễn án phí dân sự sơ thẩm cho chị Và Thị M.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự chị Và Thị M có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (12/7/2019). Anh Vừ A Ch có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

***Nơi nhận*:**
- VKSND huyện Điện Biên;
- UBND xã N, huyện Điện Biên;
- Những người tham gia tố tụng;
- Chi cục THADS huyện ĐB;
- Toà án tỉnh Điện Biên;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thị Tuyến

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

***Nơi nhận*:**
- VKSND huyện Điện Biên;
- UBND xã Na Ư, huyện Điện Biên;
- Những người tham gia tố tụng;
- Chi cục THADS huyện ĐB;
- Toà án tỉnh Điện Biên;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thị Tuyến

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

***Nơi nhận*:**
- VKSND huyện Điện Biên;
- UBND xã Thanh Xương, huyện Điện Biên;
- Những người tham gia tố tụng;
- Chi cục Thi hành án DS huyện ĐB;
- Toà án tỉnh Điện Biên;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thị Tuyến